

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/DS-PT

Ngày 26/11/2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất
và bồi thường thiệt hại do tài sản
bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Ông Phạm Văn Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bà Triệu Mai H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lăng Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Phạm Văn A, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn C, xã Yên V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn A: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn H, chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. (theo văn bản ủy quyền số: 1371/GUQ-UBND ngày 12/8/2021).

4. Hạt kiểm lâm huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền ông Chu Văn K, Kiểm lâm viên – Hạt kiểm lâm huyện H, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền số: 66/GUQ-UBND ngày 24/7/2021) có mặt.

5. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Q – Công chức địa chính, nông nghiệp xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. (theo văn bản ủy quyền số: 01/GUQ-UBND ngày 12/8/2021)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Công B, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thái V, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Anh Lành Văn Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Phạm Văn B trình bày: Năm 1996, gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn giao diện tích 0,8ha đất rừng thuộc lô 114 tiểu khu A, Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trước kia, ranh giới gia đình ông được giao theo bề ngang từ cửa hàng cây vú sữa đến tảng đá cây si. Từ tháng 8 năm 2011, ông thấy vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Triệu Thị H lên chặt phá rừng nằm trong diện tích lô 114 tiểu khu A của ông được giao. Ông và gia đình đã đến ngăn cản không cho làm, nhưng ông H nói đó là đất rừng không phải của ai nên vẫn cố tình làm. Sau đó, do không thường xuyên kiểm tra được bãi nên đến tháng 6 năm 2012 gia đình ông mới phát hiện rừng nhà ông đã bị ông H chặt phá hết, cụ thể đã phá hết 0,6ha rừng tự nhiên, trong khu vực đó có nhiều cây đường kính từ 5cm đến 25cm như cây ô rô, cây đào, cây tác, cây sâm...Hiện nay, gia đình ông chỉ sử dụng một sào, số còn lại bị gia đình ông Nguyễn Văn H lấn chiếm khoảng 0,6ha để trồng Na trên đỉnh. Phần còn lại bị chặn đá không canh tác được. Ông đã làm đơn yêu cầu thôn, xã đến xem xét và giải quyết nhưng hòa giải không thành.

Nay, ông yêu cầu buộc ông H, bà H phải trả lại cho ông diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc là 3.578m², buộc ông H, bà H phải di dời toàn bộ các tài sản trên đất tranh chấp và phải bồi thường cho ông 10.000.000 đồng là số tiền cây rừng trên đất của ông đã bị chặt phá. Về trích đo đã thể hiện đúng vị trí, diện tích khu đất tranh chấp, thể hiện bề ngang của khu đất ông được giao, chưa thể hiện được chiều dọc của đất nhưng ông đồng ý với kết quả đo đạc, không có yêu cầu gì thêm đối với việc đo đạc. Đối với các chi phí tố tụng và án phí, ông đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn H trình bày:

Gia đình ông và gia đình ông Phạm Văn B là hàng xóm của nhau. Diện tích đất 0,6ha ông Phạm Văn B cho rằng gia đình ông lấn chiếm của ông B có nguồn gốc do vợ chồng ông khai phá từ khoảng năm 2009 - 2010, diện tích đất ông khai phá khoảng 1.750m² ở sườn đỉnh phía sau các lô 113, 114, 115, 116, 83 thuộc Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi ông khai phá diện tích đất tranh chấp chỉ có dây leo, bụi rậm, không có cây lấy gỗ hay các loại cây có giá trị, chỉ là cây tự nhiên khác mọc. Thời điểm ông khai phá không có ai trồng cây hay canh tác trên đất, cũng không thấy có bất kỳ ai có ý kiến hay tranh chấp gì ông. Năm 2010, sau khi vợ chồng ông phát quang sạch sẽ và trồng 400 cây na trên đất. Đến năm 2012, ông mới biết ông B làm đơn đến xã Yên V trình bày nói gia đình ông lấn chiếm đất của ông B, Ủy ban nhân dân xã Y và Hạt kiểm lâm huyện đã phối hợp giải quyết nhưng không thành. Tại các biên bản hòa giải tại xã đều đã nói rõ diện tích đất tranh chấp chưa được giao cho hộ gia đình nào quản lý bảo vệ và không thuộc lô 114, tiểu khu A đã được Ủy ban nhân dân huyện H đã giao cho hộ ông B. Gia đình ông cũng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp. Nay, ông B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả lại 0,6ha đất thuộc lô 114 tại tiểu khu A, thôn C, xã Y, buộc vợ chồng ông phải di dời 400 cây na đã trồng trên đất và yêu cầu vợ chồng ông phải bồi thường 1.750m² cây rừng tự nhiên với số tiền 10.000.000 đồng, ông không đồng ý với các yêu cầu của ông B, vì diện tích đất do vợ chồng ông tự khai phá, trồng cây, đất vợ chồng ông khai phá được không nằm trong lô 114 tiểu khu A của ông Phạm Văn B.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Triệu Mai H trình bày:

Bà nhất trí đồng ý như ý kiến của ông Nguyễn Văn H (chồng của bà) và không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông Phạm Văn B. Đất tranh chấp là đất của vợ chồng bà khai phá mà có được, không nằm trong lô 114 của ông B được Ủy ban nhân dân huyện H giao cho quản lý, sử dụng. Đối với trích đo thửa đất bà nhất trí với kết quả đo đạc. Về chi phí tố tụng và án phí, bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lăng Thị T, anh Phạm Văn A trình bày:

Nhất trí với ý kiến trình bày của ông Phạm Văn B, đề nghị ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Mai H trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp ở tại lô 114 tiểu khu A cho gia đình ông B được tiếp tục quản lý, sử dụng, buộc ông H bà H phải di dời các tài sản trên đất và bồi thường tiền cây đã bị chặt phá là 10.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H trình bày:

Việc Ủy ban nhân dân huyện H giao quyền quản lý và sử dụng rừng, đất trồng rừng cho ông Phạm Văn B được thực hiện trong đợt chuyển giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho các hộ gia đình, cá nhân trong toàn xã Yên V; việc giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đã được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của pháp luật. Đối với diện tích đất tranh chấp, sau khi có kết quả đo đạc thực tế, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hạt kiểm lâm huyện H trình bày:

Thực hiện Nghị định số: 02/1994/NĐ-CP, ngày 15/01/1994 của Chính phủ Ban hành bản quy định về đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Hạt kiểm lâm huyện H tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện công tác giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân tại các xã trên địa bàn huyện H, trong đó có xã Yên V. Ông Phạm Văn B đã được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng diện tích 0,8ha thuộc tiểu khu A, lô 114 xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn theo quyết định số: 84/UB-QĐ ngày 15/6/1996 của Ủy ban nhân dân huyện H. Nguồn gốc đất, căn cứ vào quỹ đất lâm nghiệp và quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp, đơn xin giao đất lâm nghiệp của hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Việc giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Phạm Văn B là đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật. Tại tiểu khu A ngoài ông Phạm Văn B được giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng còn có hộ gia đình ông Phạm Văn T được giao lô 116, ông Nguyễn Văn Đ lô 115, ông Lành Văn H lô 83. Từ khi được giao quyền quản lý, sử dụng diện tích 0,8ha rừng và đất trồng rừng tại tiểu khu A, lô 114, ông Phạm Văn B thực hiện việc quản lý và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Sau khi đối chiếu bản đồ đất lâm nghiệp, biên bản giao đất rừng và trồng rừng của hộ gia đình ông Phạm Văn B với trích đo thửa đất tranh chấp tại thực địa, thấy rằng, diện tích đất tranh chấp không thuộc lô 114 tiểu khu A mà thuộc phần đất núi đá chưa được giao cho cá nhân, tổ chức nào quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Y trình bày:

Năm 1996, hộ ông Phạm Văn B, bà Lăng Thị T được Ủy ban nhân dân huyện H giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng. Theo bản đồ đất lâm nghiệp thì vị trí gia đình ông B được giao tại lô 114, tiểu khu A, có mốc ranh giới từ hàng cây sữa đến tảng đá cây si thẳng lên đỉnh rộng liền mảnh. Năm 2012, gia đình ông Nguyễn Văn H ở thôn S có lên phát dọn trồng cây na, quá xác minh thực địa vị trí tranh chấp nằm ở sườn đỉnh phía sau các lô 113, 114, 115, 116, 83 có diện tích tranh chấp là 1.750m², trồng 400 cây na (06 năm tuổi), hiện tại cây sinh trưởng, phát triển bình thường.

Sau đó, gia đình ông B đã có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã Y đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với gia đình ông H. Ủy ban nhân dân xã đã phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện H tiến hành kiểm tra, xác minh, vị trí tranh chấp gia đình ông

H sử dụng là đất khe trong lân, gia đình ông H không có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Căn cứ kết quả xác minh hiện trạng của Hạt kiểm lâm huyện H thì vị trí đất tranh chấp không thuộc lô 114, tiểu khu A. Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đã chuyển ra Tòa án để được giải quyết theo quy định. Tuy nhiên, sau đó hồ sơ đã được trả lại cho ông B để ông B hoàn thiện hồ sơ. Năm 2014, ông B có đơn khiếu nại Hạt kiểm lâm huyện H và Hạt kiểm lâm huyện H đã có báo cáo số : 118/BC-KL, ngày 16/10/2015, vị trí đất tranh chấp không thuộc lô 114, tiểu khu A. Sau đó ông B còn gửi đơn đến Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Ủy ban nhân dân huyện H đều được trả lời, vị trí đất tranh chấp không nằm trong lô 114 của ông được giao. Về ranh giới, tại lô 114 vị trí theo sơ đồ, bản đồ giao đất lâm nghiệp rõ ràng và các lô liền kề 113, 114, 115, 116, 83 không có tranh chấp đã được ông Phạm Văn B, bà Lăng Thị T khẳng định không có tranh chấp với các lô liền kề tại buổi kiểm tra xác minh hiện trạng. Vị trí thửa đất tranh chấp hiện nay không thuộc lô 114, tiểu khu A mà là đất núi đá do Ủy ban nhân dân xã Y quản lý, hiện nay hộ gia đình ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Mai H đang quản lý, sử dụng trồng na sẽ được tiếp tục quản lý, sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đi xem xét thẩm định và định giá đối với diện tích đất tranh chấp, các đương sự đều nhất trí với kết quả đo đạc thực tế, giá trị đất và tài sản trên đất, cụ thể:

Đất tranh chấp có diện tích 2.014,3 m², là đất núi đá tại Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đất có các phía tiếp giáp: Phía Bắc giáp đất ông Phạm Văn B và giáp đất chưa có chủ sử dụng; phía Đông giáp đất chưa có chủ sử dụng; phía Nam giáp đất ông Triệu Văn T; phía Tây giáp đất ông Lành Văn H. Đất có giá 10.000đ/m², tổng giá trị đất tranh chấp là 20.143.000 đồng.

Tài sản trên đất: Có 350 cây na, trong đó: 175 cây na có đường kính gốc lớn hơn 07 – 10cm có giá 137.025.000 đồng, 175 cây có đường kính gốc từ 02 – 05cm có giá 24.850.000 đồng; 01 cây mít đường kính gốc 25cm có giá 1.045.000 đồng; 04 cây đu đủ đang có quả có giá 936.000 đồng; 15 cây chuối tây đang có quả có giá 1.545.000 đồng; 01 cây chay vỏ đỏ, đường kính gốc 35cm có giá 117.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 165.518.000 đồng.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã Căn cứ vào Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 163, 164, 186, 189 của Bộ luật Dân sự; Điều 52, 54, 129, 164, 166, 170 của Luật đất đai; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn B về việc yêu cầu đòi lại diện tích đất tranh chấp là 3.578m² ở tại Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Mai H được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 2.014,3m², là đất núi đá tại Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. (có sơ đồ trích đo kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc di dời các tài sản trên đất của nguyên đơn ông Phạm Văn B.

Ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Mai H được tiếp tục quản lý, sử dụng 350 cây na, trong đó: 175 cây na có đường kính gốc 07-10cm có giá 137.025.000 đồng, 175 cây có đường kính gốc từ 02 - 05cm có giá 24.850.000 đồng; 01 cây mít đường kính gốc 25cm có giá 1.045.000 đồng; 04 cây đu đủ có giá 936.000 đồng; 15 cây chuối tây có giá 1.545.000 đồng; 01 cây chay vỏ đỏ, đường kính gốc 35cm có giá 117.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của ông Phạm Văn B với số tiền là 10.000.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Văn B phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 14.284.000 đồng. Xác nhận ông Phạm Văn B đã nộp đủ toàn bộ số tiền chi phí là 14.284.000 đồng.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định nguyên đơn ông Phạm Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xử:

- Buộc ông Nguyễn Văn H trả lại 3578m² đất rừng lán chiếm trồng na cho ông, bồi thường bằng tiền 10.000.000 đồng do phá rừng tự nhiên của ông và tự di dời toàn bộ cây đã trồng trên đất của ông, theo kết quả thẩm định tại chỗ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Mai H đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn B làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới phục vụ cho việc kháng cáo, nên không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có một số những vi phạm, nhận định và phân quyết định của Bản án có sự mâu thuẫn, giữa diện tích yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và diện tích đất khai phá của bị đơn đang sử dụng trồng na. Không

nêu rõ vị trí, ranh giới, mốc giới, số thửa nào của mảnh trích đo ngày 08/5/2021, khó khăn cho công tác thi hành Bản án. Không tuyên diện tích đất còn lại của thửa số 87.3; 87.4 và 87.5 của bị đơn đang trồng na, sẽ giao cho ai sử dụng? Gây ảnh hưởng đến quyền sử dụng của bị đơn.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn B. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 19/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt một số Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng đã có văn bản xin xét xử vắng mặt, văn bản ủy quyền, vắng mặt những người làm chứng, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn B, Hội đồng xét xử thấy rằng; ông Phạm Văn B kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xử: Buộc ông Nguyễn Văn H trả lại 3578m² đất rừng lần chiếm trồng na cho ông. Bồi thường bằng tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) do phá rừng tự nhiên của ông và tự di dời toàn bộ cây đã trồng trên đất, theo kết quả thẩm định tại chỗ. Hội đồng xét xử thấy rằng; kháng cáo của ông làm trong hạn luật định là hợp lệ. Tuy nhiên, ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới phục vụ cho việc kháng cáo của mình. Mặt khác, năm 2012, gia đình ông Nguyễn Văn H ở thôn S có lên phát dọn trồng cây na, quá trình xác minh tại thực địa, Ủy ban nhân dân xã đã phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện H tiến hành kiểm tra, xác minh, vị trí tranh chấp gia đình ông H sử dụng. Căn cứ kết quả xác minh hiện trạng của Hạt kiểm lâm huyện H thì vị trí đất tranh chấp không thuộc lô 114, tiểu khu A, mà là đất núi đá do Ủy ban nhân dân xã Y quản lý.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đi xem xét thẩm định và định giá đối với diện tích đất tranh chấp, các đương sự đều nhất trí với kết quả đo đạc thực tế, giá trị đất và tài sản trên đất, cụ thể: Đất tranh chấp có diện tích 2.014,3 m², là đất núi đá tại Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Về ranh giới, tại lô 114 vị trí theo sơ đồ, bản đồ giao đất lâm nghiệp rõ ràng và các lô liền kề là lô 113, 114, 115, 116 và lô 83 không có tranh chấp đã được ông Phạm Văn B, bà Lăng Thị T khẳng định không có tranh chấp với các lô liền kề tại buổi kiểm tra xác minh hiện trạng. Hơn nữa, lô 114 của ông Phạm Văn B nằm giữa lô 113 và 115, ông B cũng khẳng định các hộ được cấp các lô đất liền kề với lô đất ông được cấp, đều không có tranh chấp, các lô đất theo bản đồ đất lâm nghiệp có vị trí liền nhau, giữa nhà ông B và các hộ thuộc lô 113, 115 vẫn đang quản lý, sử dụng bình thường. Diện tích đất tranh chấp qua đối chiếu bản đồ đất lâm nghiệp trên địa bàn xã Yên V là phần núi đá, không nằm trong lô đất đã được giao cho hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được, đã giải quyết và quyết định. Không chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn B về việc yêu cầu đòi lại diện tích đất tranh chấp là 3.578m^2 ở tại Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn di dời tài sản trên đất là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn B, vì không có căn cứ.

[4] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại mục [21] phần nhận định của Bản án... "*ông B yêu cầu đòi lại diện tích đất tranh chấp là 3.578m^2 , ông không đưa ra được bất kỳ tài liệu gì để chứng minh. Do đó, không có cơ sở để xác định diện tích đất tranh chấp là 3.578m^2 , mà căn cứ theo kết quả đo đạc thực địa khu vực đất tranh chấp, các đương sự đã trực tiếp chỉ, chứng kiến và nhất trí với kết quả đo đạc, diện tích đất tranh chấp là $2.014,3\text{m}^2$* "... Tại mục [22] "*Ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Mai H đã tự khai phá được toàn bộ diện tích đất tranh chấp, đất tranh chấp là khu vực núi đá chưa được giao cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức nào nên ông bà được sử dụng toàn bộ đất và các tài sản trên đất, dưới sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn*". Nhận định như vậy là mâu thuẫn với mảnh trích đo và Biên bản xem xét thẩm định. Vì sau khi Tòa án đi xem xét thẩm định tại chỗ và có mảnh trích đo nguyên đơn mới biết và có yêu cầu được quản lý sử dụng 3.578m^2 đất, nguyên đơn cho rằng thuộc lô 114, tiểu khu A, yêu cầu này đã được Tòa án chấp nhận. Tại mục 1 phần Quyết định của Bản án cũng đã Tuyên ... "*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn B về việc yêu cầu đòi lại diện tích đất tranh chấp là 3.578m^2 ở tại Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Mai H được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là $2.014,3\text{m}^2$, là đất núi đá tại Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đất có các phía tiếp giáp: Phía Bắc giáp đất ông Phạm Văn B và giáp đất chưa có chủ sử dụng; phía Đông giáp đất chưa có chủ sử dụng; phía Nam giáp đất ông Triệu Văn T; phía Tây giáp đất ông Lành Văn H. (có sơ đồ trích đo kèm theo)*. Nhận định và Quyết định như vậy là không chính xác và không rõ ràng, khó khăn cho công tác thi hành Bản án. Bởi, không nhận định và trong phần quyết định không nêu rõ ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Mai H được quản lý, sử dụng diện tích đất $2.014,3\text{m}^2$ nằm ở vị trí, ranh giới, mốc giới, số thửa, số tờ bản đồ nào theo mảnh trích đo ngày 08/5/2021 có trong hồ sơ vụ án. Diện tích đất bị đơn đã và đang sử dụng là các thửa 87.1; 87.2; 87.3; 87.4 và 87.5 để trồng na và cây ăn quả trên đất. Trong đó: Thửa số 87.1; 87.2 là diện tích đất tranh chấp, các thửa còn lại không tranh chấp. Nhưng nguyên đơn đang yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất tranh chấp là 3.578m^2 là tổng diện tích của các thửa 87.1; 87.2; 87.3; 87.4. Mặt khác, theo bảng thống kê trong mảnh trích đo ngày 08/5/2021 thì diện tích đất tranh chấp là thửa số 87.1 có vị trí các đỉnh thửa: A1, A2, A7, A8, A3, A4, A5, A6. Thửa số 87.2 có vị trí các đỉnh thửa: A2, A3, A8, A7 là một phần trong các thửa 87.3; 87.4 mà bị đơn đang sử dụng trồng na và cây ăn quả. Đồng thời, Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định và quyết định diện tích đất còn lại của các thửa số 87.3; 87.4 và 87.5 theo mảnh trích đo ngày 08/5/2021 có trong hồ sơ vụ án, sẽ giao cho ai được sử dụng. Gây ảnh hưởng đến quyền sử dụng và quyền quản lý tài sản trên đất của bị đơn. Vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm, khắc phục thiếu sót, tránh lặp lại.

[5] Tại mục 1 phần quyết định của Bản án tuyên..."Ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Mai H được tiếp tục **quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 2.014,3m²**"...Tuyên ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Mai H được tiếp tục **quản lý** là không đúng. Bởi, nhận định đất tranh chấp là khu vực núi đá chưa được giao cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức nào. Hơn nữa, là đất núi đá tại Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đang thuộc quyền quản lý của Nhà nước, nên ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Mai H chỉ được sử dụng toàn bộ đất tranh chấp và quản lý các tài sản trên đất, dưới sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn chứ không được quyền quản lý đất. Từ những phân tích trên; Hội đồng xét xử thấy cần sửa một phần Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu của của ông B không được chấp nhận nên ông phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông thuộc trường hợp người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, nên ông được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn B. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 19/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể:

- Căn cứ các Điều 163, 164, 186, 189 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 52, 54, 129, 164, 166, 170 của Luật đất đai;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn B về việc yêu cầu đòi lại diện tích đất tranh chấp là 3.578m² nằm trong tờ bản đồ số 02, Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Mai H được tiếp tục **sử dụng** diện tích đất tranh chấp 3.578m², là tổng diện tích của các thửa 87.1; 87.2; 87.3; 87.4. Trong đó: Thửa số 87.1 có vị trí các đỉnh thửa: A1, A2, A7, A8, A3, A4, A5, A6. Thửa số 87.2 có vị trí các đỉnh thửa: A2, A3, A8, A7 là diện tích đất tranh chấp, các thửa còn lại không tranh chấp, là đất núi đá tại Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đất có các phía tiếp giáp: Phía Bắc giáp đất ông Phạm Văn B và giáp đất chưa có chủ sử dụng; phía Đông giáp đất chưa có chủ sử dụng; phía Nam giáp đất ông Triệu Văn T; phía Tây giáp đất ông Lành Văn H. (có sơ đồ trích đo kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc di dời các tài sản trên đất của nguyên đơn ông Phạm Văn B. Ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Mai H được tiếp tục quản lý, sử

dụng 350 cây na, trong đó: 175 cây na có đường kính gốc lớn hơn 07 – 10cm có giá 137.025.000 đồng, 175 cây có đường kính gốc từ 02 – 05cm có giá 24.850.000 đồng; 01 cây mít đường kính gốc 25cm có giá 1.045.000 đồng; 04 cây đu đủ đang có quả có giá 936.000 đồng; 15 cây chuối tây đang có quả có giá 1.545.000 đồng; 01 cây chay vỏ đỏ, đường kính gốc 35cm có giá 117.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của ông Phạm Văn B với số tiền là 10.000.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Văn B phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 14.284.000 đồng. Xác nhận ông Phạm Văn B đã nộp đủ toàn bộ số tiền chi phí là 14.284.000 đồng.

5. Về án phí: Ông Phạm Văn B được miễn án phí theo quy định.

6. Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện H, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Đức Chiến